TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-04-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 858/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: đường H, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1972; địa chỉ: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn X chung sống với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân giữa bà và ông X là tự nguyện. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, đến năm 1997 ông X đã bỏ nhà đi về tỉnh Bình Dương sinh sống và không còn chăm lo cho gia đình nữa. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Văn X

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn X có 01 con chung chị Nguyễn Tường V, sinh năm 1994. Hiện con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn X: Đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông X không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho ông X. Tuy nhiên, ông X đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn X vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Văn X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông X vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông X là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn X: Bà H, ông X chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 16 tháng 7 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tại địa chỉ: đường H, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới thường xuyên cãi vã, ông X đã bỏ nhà đi về Bình Dương sinh sống, từ năm 1997, bà và ông X không sống chung từ đó cho đến nay. Vì vậy, bà H có nguyện vọng được ly hôn với ông X để ổn định cuộc sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông X đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông X vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và không có thiện chí trong việc muốn đoàn tụ gia đình với bà H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,

Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung chị Nguyễn Tường V, sinh năm 1994. Hiện con chung đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn X.

[3] Xét Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 227, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 57, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X về việc "ly hôn" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn X.

- Về con chung: Con chung đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0022960 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy

định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND Phường M. Quận N, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương